

NGÀY SOẠN: 3/09/2024

PPCT: 01, 02

PHẦN 1. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

BÀI 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

I. Mục tiêu

1. Yêu cầu cần đạt

- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

2. Năng lực

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:: sử dụng bản đồ để xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam; phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Tìm hiểu các thông tin về pháp lí của các vùng biển Việt Nam theo Luật Biển năm 2012.

3. Phẩm chất

- Yêu quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm tuyên truyền và bảo vệ sự toàn vẹn, chủ quyền lãnh thổ.

II. Thiết bị và học liệu

- GV:** Bản đồ hành chính Việt Nam treo tường, sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam năm 2012)
- HS:** SGK, giấy A0, bút dạ.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Kết nối tri thức HS đã có về vị trí địa lí, lãnh thổ với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

GV sử dụng hình ảnh các cột mốc biên giới, biển, đảo,... và hỏi HS về suy nghĩ của em khi nhìn những hình ảnh đó? Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1. Tìm hiểu về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam

a) Mục tiêu

Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, ghi lại những đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam. GV hướng dẫn HS xác định trên bản đồ vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.
- HS đọc thông tin trong SGK, kết hợp bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021 (hình 1.1, trang 6), ghi lại những từ khoá, các ý thể hiện đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam.
- Một số HS trình bày kết quả làm việc cá nhân. Trong quá trình HS trình bày, GV đặt thêm câu hỏi gợi mở để HS trả lời được vào trọng tâm vấn đề. Các HS lắng nghe phần trả lời của bạn, nhận xét và bổ sung ý kiến.
- GV đánh giá, tổng kết:

1. Vị trí địa lí

Việt Nam nằm trên Bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, nước ta tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và có chung Biển Đông với nhiều quốc gia. Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc và thuộc khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa châu Á.

Lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp với Biển Đông thông ra Thái Bình Dương, gần nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải, trên đường di lưu của các loài sinh vật.

Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế nối liền châu Á với châu Đại Dương, Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương; trong khu vực kinh tế phát triển năng động bậc nhất trên thế giới.

2. Phạm vi lãnh thổ

Vùng đất	Vùng đất là toàn bộ phần đất liền được xác định trong phạm vi đường biên giới của nước ta với các nước láng giềng và phần đất nổi của đảo trên Biển Đông, với tổng diện tích các đơn vị hành chính hơn 331 nghìn km ²
Vùng biển	Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km ² , bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
Vùng trời	Vùng trời Việt Nam là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu về ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng

a) Mục tiêu

Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm:

+ Tìm hiểu ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên – kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng ở nước ta.

+ Hình thức trình bày kết quả: sơ đồ cây, sơ đồ tư duy, bảng hệ thống kiến thức,...

- HS trong nhóm phân chia nhiệm vụ, đọc thông tin trong SGK, thảo luận, tổng kết nội dung. Các nhóm trình bày phần tìm hiểu lên giấy A0.

- HS báo cáo kết quả làm việc nhóm bằng kỹ thuật triển lãm, hoặc thảo luận. Các nhóm theo dõi các sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và bổ sung.

- GV chuẩn hoá kiến thức trên 1 sản phẩm. Các nhóm khác tự hoàn thiện sản phẩm.

Đền tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Nước ta có sắc thái chung của thiên nhiên vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. - Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, các hệ sinh thái rừng thường xanh chiếm ưu thế. - Tài nguyên khoáng sản khá phong phú, đa dạng. - Nước ta là nơi hội tụ của nhiều luồng sinh vật nên thành phần loài sinh vật nước ta rất phong phú. - Thiên nhiên của nước ta có sự phân hoá đa dạng, khác nhau giữa miền Bắc với miền Nam; giữa miền núi với đồng bằng,... hình thành các miền địa lí tự nhiên khác nhau. - Nước ta nằm trong vùng có nhiều thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán,...
Đền kinh tế - xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập, giao lưu thuận lợi với các nước trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy mở cửa và thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. - Các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hoá – xã hội và mối giao lưu lâu đời, tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển.
Đền anh ninh quốc phòng	<p>Nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng ở khu vực kinh tế năng động và nhạy cảm về chính trị trên thế giới. Đặc biệt, Biển Đông đối với nước ta là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.</p>

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Hệ thống hoá kiến thức đã học.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS lập sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên Việt Nam.

- HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.

- GV có thể thu lại sơ đồ, đánh giá kết quả học tập của HS thành 1 điểm đánh giá thường xuyên.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề địa lí trong thực tế.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về chế độ pháp lí của các vùng biển nước ta theo Luật Biển Việt Nam năm 2012.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và báo cáo kết quả với GV vào buổi học sau.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Trắc nghiệm

Câu 1. Ý nào sau đây **không** đúng về đặc điểm vị trí địa lí nước ta?

- A. Lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp với biển Đông ở phía Đông.
- B. Việt Nam nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động.
- C. Lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng đất, vùng trời, vùng biển.
- D. Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.

Câu 2. Nội thủy là

- A. vùng biển tiếp liền lãnh hải rộng 12 hải lí.
- B. vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ bờ biển trở ra.
- C. vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở.
- D. vùng đất biển, lòng đất dưới đáy biển rộng 12 hải lí từ bờ ra.

Câu 3. Vùng đất của nước ta bao gồm:

- A. Toàn bộ phần đất liền và vùng mặt trước cách bờ 12 hải lí.
- B. Toàn bộ phần đất liền trong phạm vi đường biên giới và các đảo.
- C. Toàn bộ phần đất nổi các đảo và phần đáy biển của thềm lục địa.
- D. Toàn bộ phần đất liền trong phạm vi đường biên giới và thềm lục địa.

NGÀY SOẠN: 07/09/2024

PPCT: 03, 04

BÀI 2. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

(2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Yêu cầu cần đạt

- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.
- Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.
- Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê ở trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

2. Năng lực

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: phân tích mối quan hệ nhân quả giữa khí hậu nhiệt đới gió mùa với các thành phần tự nhiên khác như đất, sinh vật, thủy văn, địa hình,...; phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng lược đồ, bản đồ, bảng số liệu để phân tích các đặc điểm của tự nhiên.

3. Phẩm chất

- Yêu quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên

II. Thiết bị và học liệu

1. **GV:** lược đồ gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ ở Đông Nam Á; Bản đồ khí hậu Việt Nam treo tường, phiếu học tập
2. **HS:** SGK, giấy A4

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Kết nối tri thức HS đã có về đặc điểm thiên nhiên Việt Nam với bài học.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

a) Mục tiêu

Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- GV đặt câu hỏi gợi mở để huy động kiến thức HS đã có: *Khí hậu được thể hiện qua các yếu tố nào?*

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu biểu hiện như thế nào?

GV hướng dẫn HS đọc bản đồ, cách quan sát hướng gió, từ khu vực áp cao thổi về khu vực áp thấp, lưu ý các trạm khí tượng trên bản đồ khí hậu.

- HS đọc thông tin trong SGK, kết hợp với đọc bảng số liệu 2.1, 2.2, hình 2.1, 2.2, 2.3 trong SGK, tóm tắt lại những biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa qua các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa, gió

- HS trình bày kết quả làm việc cá nhân.

- GV đánh giá, tổng kết.

Biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta thể hiện qua các yếu tố:

+ Lượng bức xạ mặt trời lớn, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao), tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1 400 – 3 000 giờ.

+ Lượng mưa, độ ẩm lớn: Lượng mưa trung bình năm ở nước ta từ 1 500 – 2 000 mm. Độ ẩm tương đối của không khí trung bình hằng năm từ 80 – 85%, cân bằng ẩm luôn dương.

+ Gió Tín phong hoạt động quanh năm và gió hoạt động theo mùa là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về biểu hiện qua địa hình

- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, yêu cầu HS đọc thông tin SGK, trình bày biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta.

- Một số HS trình bày, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

- GV đánh giá, tổng kết:

Các quá trình phong hoá diễn ra mạnh mẽ. Địa hình các-xtơ độc đáo.

Quá trình xâm thực – bồi tụ là quá trình chính trong sự hình thành địa hình Việt Nam: xâm thực mạnh ở đồi núi và bồi tụ ở vùng đồng bằng.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa qua sông ngòi

- GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, sau đó tóm tắt các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua yếu tố sông ngòi.

- HS đọc thông tin, ghi lại các từ khoá thể hiện biểu hiện qua sông ngòi.

- Một số HS trả lời.

- GV đánh giá, tổng kết.: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện ở mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước sông theo mùa.

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu biểu hiện qua đất và sinh vật

- GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trong SGK và trình bày biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần đất và sinh vật.

- Sau khi HS làm việc cá nhân từ 2 – 3 phút, GV gọi một số HS trả lời, các HS khác lắng nghe nhận xét và bổ sung.

- GV tổng kết, đánh giá:

- Đất: feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới ẩm, sự phân mùa mưa khô làm tăng cường sự tích tụ o-xít sắt, ô-xít nhôm, tạo thành các tầng kết von hoặc đá ong.

- Sinh vật: các loài thực vật, động vật nhiệt đới chiếm ưu thế. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh phổ biến ở nước ta là rừng rậm nhiệt ẩm lá rộng thường xanh.

* GV có thể tổ chức dạy học theo phương pháp học tập theo nhóm nhỏ, mỗi nhóm tìm hiểu 5 thành phần tự nhiên. Sau đó các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác đặt thêm câu hỏi, nhận xét và bổ sung ý kiến. GV có vai trò nhận xét, chuẩn hoá và tổng kết kiến thức.

2.2. Tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống.

a) Mục tiêu

Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm, tìm hiểu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống.

Hình thức trình bày kết quả: sơ đồ tư duy

- Các nhóm HS phân chia nhiệm vụ, đọc thông tin trong SGK, hoàn thành nhiệm vụ.

- HS báo cáo kết quả làm việc nhóm bằng kỹ thuật triển lãm, hoặc thảo luận. Các nhóm theo dõi các sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và bổ sung.

- GV chuẩn hoá kiến thức trên 1 sản phẩm ví dụ.

Đến hoạt động sản xuất	- Nông nghiệp: + phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới; tăng vụ, tăng năng suất, tạo tiền đề sản xuất nông nghiệp hàng hoá. + Cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng + thời tiết thất thường gây khó khăn cho hoạt động canh tác, kế hoạch mùa vụ, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh,...
------------------------	---

	<ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, các hệ sinh thái rừng thường xanh chiếm ưu thế. - Các hoạt động kinh tế khác: thuận lợi phát triển các ngành kinh tế khác như lâm nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, du lịch, khai thác khoáng sản, xây dựng. Các hoạt động này ảnh hưởng bởi thiên tai; khó khăn trong việc bảo dưỡng máy móc, thiết bị và bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp,...
Đến đời sống	<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chung thuận lợi cho đời sống con người diễn ra quanh năm. Lượng mưa lớn là nguồn cung cấp nước quan trọng cho đời sống. - Những khó khăn: <ul style="list-style-type: none"> + thiên tai, hiện tượng thời tiết cực đoan thường xuyên diễn ra, tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, thiệt hại người và tài sản. + bệnh truyền nhiễm, thành dịch lan rộng ảnh hưởng đến con người.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức đã học để phân tích mối quan hệ nhân quả của các thành phần tự nhiên cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS liên hệ kiến thức đã học, phân tích tác động của vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ tới đặc điểm khí hậu nước ta. Sản phẩm học tập của HS là đoạn phân tích.

- HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.

- Một số HS trình bày kết quả

- GV tổng kết, đánh giá.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống nơi em ở.

- HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và báo cáo kết quả với GV vào buổi học sau.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Điền vào chỗ ... nội dung phù hợp:

- Các yếu tố thể hiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta là:

.....

- Hai quá trình hình thành địa hình chính ở nước ta là:

- Sông ngòi của nước ta có đặc điểm:

.....

Câu 2. Cơ cấu cây trồng vật nuôi của nước ta đa dạng do

- A. Nước ta nằm ở khu vực châu Á gió mùa.
- B. Khí hậu nước ta phân hoá đa dạng.
- C. Nước ta nhập ngoại nhiều giống từ các nước ôn đới.
- D. Người dân có tập quán canh tác đa dạng.

Câu 3. Ý nào **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến đời sống?

- A. Nhìn chung thuận lợi cho đời sống con người.
- B. Lượng mưa dồi dào, nguồn nước phong phú cho sinh hoạt và sản xuất.
- C. Là môi trường sống lí tưởng nhất cho con người.
- D. Có nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng, mưa lớn, mưa đá, hạn hán,...

NGÀY SOẠN: 10/09/2024

PPCT: 5, 6, 7, 8

BÀI 3. SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA THIÊN NHIÊN **(4 TIẾT)**

I. Mục tiêu

1. Yêu cầu cần đạt

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo bắc – nam, đông – tây, độ cao.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

2. Năng lực

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: trình bày được đặc điểm tự nhiên; phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống;
- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của địa lí học như lược đồ, bản đồ, bảng số liệu để phân tích các đặc điểm của tự nhiên.

3. Phẩm chất

- Yêu quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên

II. Thiết bị và học liệu

- 1. GV:** bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam, bản đồ tự nhiên ba miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ; phiếu học tập
- 2. HS:** SGK Địa lí 12, Kết nối tri thức với cuộc sống.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Kết nối tri thức HS đã có về đặc điểm thiên nhiên Việt Nam với bài học.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- GV sử dụng hình ảnh/thông tin về các cảnh đẹp ở miền núi, đồng bằng, ở miền bắc, miền nam, yêu cầu HS nhận xét chung về thiên nhiên Việt Nam.

HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên

a) Mục tiêu

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo bắc – nam, đông – tây, độ cao.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về thiên nhiên phân hoá theo chiều bắc – nam

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, hệ thống hoá các biểu hiện của phân hoá thiên nhiên theo chiều bắc – nam theo bảng sau.

Yếu tố	Phần lãnh thổ phía Bắc	Phần lãnh thổ phía Nam
Phạm vi		
Khí hậu		
Cảnh quan		

- HS đọc thông tin trong SGK để hoàn thành bảng hệ thống kiến thức.

- Một số cặp lên trình bày kết quả, các cặp khác lắng nghe và nhận xét bổ sung.

- GV đánh giá, tổng kết.:

Yếu tố	Phần lãnh thổ phía Bắc	Phần lãnh thổ phía Nam
Phạm vi	Toàn bộ phần lãnh thổ phía Bắc tới dãy núi Bạch Mã	Từ dãy núi Bạch Mã trở vào phía Nam
Khí hậu	Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh do ảnh hưởng gió mùa đông bắc, biên độ nhiệt độ trung bình năm cao	Mang sắc thái khí hậu cận xích đạo gió mùa, nền nhiệt cao trung bình trên 25°C, biên độ nhiệt độ trung bình năm thấp, có 2 mùa mưa – khô.
Cảnh quan	Rừng nhiệt đới gió mùa, ngoài ra có hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới	Rừng cận xích đạo gió mùa, rừng ngàoj mặ n , rừng tràm ở ven biển, cửa sông của đồng bằng sông Cửu Long.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về thiên nhiên phân hoá theo chiều đông – tây

- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, yêu cầu HS đọc thông tin SGK, trình bày sự phân hoá thiên nhiên theo chiều đông tây.

- HS làm việc cá nhân

- Một số HS trình bày, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.

- GV đánh giá kết quả hoạt động.

- + Vùng biển và thềm lục địa: lượng ẩm dồi dào, hoàn lưu gió mùa và Tín Phong hoạt động thường xuyên. Thiên nhiên vùng biển nhiệt đới ẩm gió mùa, phong phú đa dạng.
- + Vùng đồng bằng: 2 đồng bằng lớn nhất là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có thềm lục địa rộng và nông, địa hình thấp tương đối bằng phẳng, nhiều ô trũng. Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ hẹp ngang bị chia cắt, đườn bờ biển khúc khuỷu, cồn cát đầm phá phổ biến, đất kém màu mỡ hơn đồng bằng châu thổ.
- + Vùng đồi núi: thiên nhiên phân hoá theo hướng chắn địa hình của các dãy núi như Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu thiên nhiên phân hoá theo độ cao

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, đọc thông tin trong SGK, viết tóm tắt các ý thể hiện đặc điểm của các đai cao ở Việt Nam.
- HS làm việc theo cặp. Các cặp trao đổi bài, nhận xét cho nhau.
- GV tổng kết:

Yếu tố	Đai nhiệt đới gió mùa	Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi	Đai ôn đới gió mùa trên núi
Giới hạn	- Miền Bắc từ 600 – 700m trở xuống - Miền Nam từ 900 – 1000 m trở xuống	- Miền Bắc từ độ cao 600 – 700 m đến 2600 m - Miền Nam từ 900 – 1000 m đến 2600 m	Từ 2600 m trở lên
Khí hậu	Tổng nhiệt độ hoạt động năm trên 7500°C, mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi tùy nơi	Tổng nhiệt độ hoạt động năm dao động từ 4500°C đến 7500°C, mùa hạ mát (T trung bình tháng dưới 25°C), mưa nhiều	Tổng nhiệt độ hoạt động năm dưới 4500°C, quanh năm nhiệt độ dưới 15°C, mùa đông nhiệt độ xuống dưới 5°C.
Đất	Phù sa ở đồng bằng, feralit ở vùng đồi núi	Feralit mùn, đất xám mùn trên núi	Đất mùn núi cao
Sinh vật	Hệ sinh thái rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh; rừng nhiệt đới gió mùa, rừng ngập mặn,...	Các loài cận nhiệt là chủ yếu	Thực vật ôn đới chiếm ưu thế

2.2. Tìm hiểu về các miền địa lý tự nhiên

a) Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm hiểu đặc điểm 3 miền địa lí tự nhiên. Hình thức trình bày kết quả: bảng thông tin

Gợi ý đặc điểm của miền tự nhiên: phạm vi, địa hình và đất, khí hậu, sông ngòi, sinh vật, khoáng sản.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS báo cáo kết quả làm việc nhóm bằng kĩ thuật triển lãm, hoặc thảo luận. Các nhóm theo dõi các sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và bổ sung.

- GV tổng hợp đánh giá:

Miền	Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Phạm vi, ranh giới	Bao gồm vùng núi Đông Bắc và đồng bằng sông Hồng, vùng biển, đảo phía đông.	Gồm khu vực Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và vùng biển duyên hải Bắc Trung Bộ; ranh giới phía nam tới dãy núi Bạch Mã.	Gồm khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ, vùng biển, đảo, quần đảo.
Địa hình và đất	Đồi núi thấp. Hướng núi: vòng cung. Đồng bằng tương đối rộng. Địa hình các-xtơ khá phổ biến. Bờ biển đa dạng. Đất khá đa dạng: feralit ở vùng đồi núi thấp, phù sa ở đồng bằng sông Hồng, đất phèn, đất mặn ở vùng ven biển.	Địa hình núi cao và núi trung bình, chia cắt mạnh và hiểm trở nhất nước ta. Hướng: tây bắc – đông nam. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên, lòng chảo,.... Đồng bằng nhỏ và bị chia cắt. Ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá. Đất feralit ở vùng đồi núi; đất phù sa ở các đồng bằng	Khá phức tạp: khối núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. Đất ở vùng núi và cao nguyên chủ yếu là đất feralit trên đá badan và trên các loại đá khác. Đồng bằng có đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn; Ngoài ra còn có đất cát và đất xám trên phù sa cổ.
Khí hậu	có mùa đông lạnh điển hình nhất nước ta	nhệt độ trung bình năm tăng dần và biên độ nhiệt độ giảm từ Bắc vào Nam.	khí hậu cận xích đạo gió mùa: nhiệt độ cao quanh năm, biên độ nhiệt độ nhỏ.
Sông ngòi	Các sông lớn như sông Hồng, sông Chảy,... chảy theo hướng tây bắc – đông nam. Khu vực Đông Bắc sông chảy theo hướng vòng cung.	Các sông lớn như sông Đà, sông Mã, sông Cả,... chảy theo hướng tây bắc – đông nam; những sông nhỏ, dốc, bắt nguồn từ vùng núi phía tây đổ ra Biển Đông.	Nam Trung Bộ phần lớn là sông nhỏ. Ở đồng bằng sông Cửu Long, sông Tiền và sông Hậu phân chia thành nhiều chi lưu đổ ra biển.
Sinh vật	Sinh vật phong phú và đặc sắc thuộc khu hệ thực vật Việt Bắc – Hoa Nam, có tới	hội tụ của nhiều luồng sinh vật, đặc biệt là luồng Hima-lay-a – Vân Quý, Ấn	đới rừng cận xích đạo gió mùa là phổ biến: Ở vùng Tây Nguyên có kiểu rừng

	50% thành phần loài bản địa. Cảnh quan thiên nhiên có sự thay đổi theo mùa, theo khu vực.	Độ – Mi-an-ma và Ma-lai-xi-a – In-đô-nê-xi-a. Rừng còn tương đối nhiều ở vùng núi Nghệ An, Hà Tĩnh	nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá và rụng lá. Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.
Khoáng sản	đa dạng như than đá ở Quảng Ninh, Thái Nguyên; than nâu ở đồng bằng sông Hồng; sắt ở Thái Nguyên,...; chì – kẽm ở Bắc Kạn; thiếc ở Cao Bằng; khí tự nhiên ở bể Sông Hồng,...	sắt ở Hà Tĩnh; đồng ở Sơn La, Lào Cai; a-pa-tít ở Lào Cai; crôm ở Thanh Hoá; thiếc ở Nghệ An; vật liệu xây dựng ở nhiều địa phương,...	dầu mỏ, khí tự nhiên ở thềm lục địa, bô-xít ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

2.3. Tìm hiểu về ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Mục tiêu

Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

b) Tổ chức thực hiện

- GV tổ chức cho HS thảo luận cả lớp. GV nêu chủ đề thảo luận: “*Thiên nhiên phân hoá đa dạng làm cho kinh tế - xã hội cũng phân hoá đa dạng*”. Em có đồng ý với nhận định trên không?

- Tiến hành thảo luận:

HS nêu ý kiến của mình về chủ đề thảo luận, có dẫn chứng cụ thể chứng minh cho ý kiến của HS.

GV điều hành thảo luận, đảm bảo tất cả HS đều phải nêu ý kiến. GV không tham gia, không giảng giải nhưng phải can thiệp các tranh luận quá mức.

- Tổng kết đánh giá: GV bổ sung, sửa chữa thiếu sót của HS: Sự phân hoá thiên nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta nhưng không ảnh hưởng quyết định.

+ Sự phân hoá thiên nhiên theo chiều bắc – nam, đặc biệt là phân hoá của khí hậu có ảnh hưởng tới quy hoạch, hướng chuyên môn hoá sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam.

+ Sự phân hoá đông – tây: Vùng ven biển và thềm lục địa phát triển tổng hợp kinh tế biển, đồng bằng phát triển cây lương thực, chăn nuôi lợn, gia cầm; định cư, tập trung các thành phố, đầu mối giao thông vận tải. Vùng đồi núi có nhiều thế mạnh về khoáng sản, lâm sản,...

+ Sự phân hoá của thiên nhiên theo độ cao: Các đai cao khác nhau về khí hậu, đất, sinh vật tạo nên các thế mạnh khác nhau trong phát triển kinh tế, đồng thời dẫn tới sự phân bố dân cư khác nhau.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Sử dụng kiến thức đã học để so sánh đặc điểm của hai miền tự nhiên.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS lập bảng so sánh đặc điểm khí hậu và cảnh quan thiên nhiên của phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta và lập bảng tóm tắt đặc điểm của các đai cao ở nước ta về độ cao, khí hậu, đất và sinh vật.

- HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức địa lí để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đến ngành nông nghiệp hoặc du lịch ở nước ta.

- HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và báo cáo kết quả với GV vào buổi học sau.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Trả lời một số câu hỏi sau:

- Thiên nhiên nước ta phân hoá thành mấy đai cao:
- Khí hậu của lãnh thổ phía Bắc khác lãnh thổ phía Nam ở đâu:
- Nước ta chia thành mấy miền địa lí tự nhiên:
- Miền nào chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc:
- Miền có đầy đủ ba đai cao là:
- Miền có đồng bằng châu thổ rộng lớn nhất là:
- Miền nào có thể hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp và rau quả cận nhiệt đới:.....
.....
- Hệ sinh thái đặc trưng của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là: